

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 91/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 10 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia, ông Trịnh Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh là Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 85/2021/TB-TA ngày 18 tháng 8 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 85/2021/TB-TA ngày 14 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 19..; cư trú tại số nhà 21, tổ 11 ấp Ngọc Lâm, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 19; nơi cư trú tại số nhà 06, tổ 6, ấp Ngọc Lâm, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2021 và ý kiến của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án như sau:*

Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thái H tự nguyện kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn trong năm 2009.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc, từ tháng 10 năm 2019 bị đơn thiếu trách nhiệm đối với vợ con, phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Vợ chồng các đương sự đã được người thân thích trong gia đình hai bên hòa giải nhưng không thể giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nên các đương sự không còn sống chung cùng một gia đình từ đầu năm 2021 đến nay.

Các đương sự có 01 con là Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27 tháng 10 năm ..., nguyên đơn đang nuôi dưỡng con.

Vợ chồng các đương sự không có nợ chung, về tài sản chung của vợ chồng không có tranh chấp nên không khởi kiện. Vợ chồng đã ly thân, không còn tình cảm

để yêu thương. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn và nguyên đơn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con, bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng).

** Bị đơn ông Nguyễn Thái H trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

Bị đơn đã không đồng ý cung cấp văn bản ý kiến của bị đơn đến Tòa án để giải quyết tranh chấp trong vụ án. Cụ thể: Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú bị đơn đã trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại Biên bản lấy lời khai vào hồi 13 giờ 30 phút và tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ của Tòa án cũng như ý kiến của của bị đơn tại Biên bản hòa giải cùng ngày: Bị đơn đồng ý với chứng cứ vụ án và ý kiến của nguyên đơn trình bày về hôn nhân, con, quan hệ tài sản, vợ chồng có mâu thuẫn đã ly thân từ tháng 01 năm 2021 nhưng bị đơn không đồng ý ký tên vào các văn bản này để xác nhận ý kiến của mình (bị đơn đưa ra lý do là đang theo đạo Thiên chúa giáo nên không được ký tên vào các tài liệu có liên quan đến vấn đề ly hôn).

** Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:*

Chứng cứ của bên nguyên đơn gửi đến Tòa án: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn của các đương sự;

Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã xác minh có được tài liệu về Biên bản lấy lời khai của nguyên đơn, đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn; biên bản xác minh, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án của Tòa án và Tòa án nhân dân huyện Tân Phú đã tổng đạt hợp lệ các văn bản, quyết định tố tụng đến các đương sự trong vụ án để đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật của Nhà nước.

** Ý kiến, đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, về người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 2 khoản 3 Điều 68, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát để nghiên cứu đúng quy định tại khoản 1 Điều 203, Điều 196, Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tổng đạt các văn bản tố tụng theo Điều 170, Điều 175, Điều 178 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định tại các Điều 51, Điều 63, Điều 239, Điều 243, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn tuân thủ quy định tại Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Cuộc sống vợ chồng Nguyễn Thị N và Nguyễn Thái H không còn hạnh phúc không còn yêu thương quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của Nguyễn Thị N là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ: Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 85, Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Cho Nguyễn Thị N được ly hôn với Nguyễn Thái H; giao Nguyễn Thị N nuôi dưỡng con (Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 27 tháng 10 năm ...; tạm thời Nguyễn Thái H không phải cấp dưỡng nuôi con). Về tài sản, nợ chung: Giành quyền khởi kiện của các bên khi có phát sinh tranh chấp; án phí tính theo quy định pháp luật; những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án:

[1] Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong vụ án, về người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện vụ án yêu cầu ly hôn đối với người bị kiện là ông Nguyễn Thái H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con thì bà N là nguyên đơn và ông H là bị đơn theo khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn Nguyễn Thái H có nơi cư trú tại địa bàn xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn gửi đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm; Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thái H tự nguyện kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2009 là phù hợp Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quan hệ hôn nhân của các đương sự là hợp pháp, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 131, Điều 132 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xét xử giải quyết vụ án.

Căn cứ các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa là tài liệu chứng minh: Các đương sự có nhiều mâu thuẫn đã ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay, 02 người không còn hạnh phúc vợ chồng để xây dựng một gia đình tiên bộ hạnh phúc. Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, đã mở phiên họp hòa giải vụ án để các đương sự tiếp tục xây dựng hôn nhân không phải ly hôn nhưng hòa giải không thành nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Các tài liệu chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận: Vợ chồng các đương sự không còn sống chung gia đình do không có tình nghĩa trách nhiệm giữa vợ và chồng là chứng cứ chứng minh nguyên đơn và bị đơn đã có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn khởi kiện có yêu cầu được nuôi con, đến ngày 21 tháng 10 năm 2021 nguyên đơn tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết tranh chấp về nuôi con, yêu cầu bị đơn có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Về vấn đề này, Hội đồng xét xử giải quyết như sau: Các đương sự có điều kiện nuôi dưỡng con tương đối ngang bằng nhau. Tuy nhiên nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng con, để ổn định về nơi cư trú, tinh thần của con chưa thành niên thì Hội đồng xét xử giải quyết vụ án quyết định nguyên đơn là người tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con, luật đã quy định cha mẹ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm đóng góp tiền (vật chất) để nuôi con, giải quyết nhu cầu cần thiết của con. Về mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng là phù hợp với nghề nghiệp thu nhập của bị đơn và quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 115, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ tài sản: Các đương sự không có khởi kiện, Tòa án không thụ lý giải quyết vấn đề này là phù hợp với khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Thái H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết vụ án các đương sự được ly hôn, nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng con chưa thành niên là phù hợp với chứng cứ vụ án, pháp luật của Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 115, Điều 116 và khoản 1, khoản 2 Điều 131, Điều 132 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N:

- Bà Nguyễn Thị N được ly hôn đối với ông Nguyễn Thái H.

- Về trách nhiệm của cha mẹ là bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thái H đối với con chưa thành niên:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con: Nguyễn Tiên Đ, sinh ngày 27 tháng 10 năm ...; bị đơn là ông Nguyễn Thái H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) tính từ ngày 21 tháng 10 năm 2021 đến ngày con đủ 18 tuổi có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật và có quyền khởi kiện để yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Các đương sự không có khởi kiện, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004100 ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai). Bị đơn ông Nguyễn Thái H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về trách nhiệm Thi hành án dân sự:

Bản án này được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không thi hành án theo bản án thì hàng tháng phải chịu tiền lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày Tòa án tổng đạt Bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- UBND nơi đương sự đã ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Võ Kim Đính